

Số: 208/2018/QĐST-HNGĐ

T, ngày 24 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 345/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Khuru Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp TS, thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Khuru Văn T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: 13S1 ấp NS, thị trấn S, huyện T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Khuru Thị H và anh Khuru Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Khuru Thị H và anh Khuru Văn T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Chị Khuru Thị H và anh Khuru Văn T1 có 03 con chung tên Khuru Văn L, sinh ngày 13/5/2005, Khuru Văn H1 sinh ngày 26/8/2008 và Khuru Thị Như Y sinh ngày 05/8/2013 (Hiện cháu L và cháu Như Y đang sống với chị H, còn cháu H1 đang sống với anh T1). Chị H và anh T1 thống nhất thỏa thuận như sau:

- Giao 02 con chung tên Khuru Văn L, sinh ngày 13/5/2005 và Khuru Thị Như Y sinh ngày 05/8/2013 cho chị Khuru Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Giao 01 con chung tên Khuru Văn H1 sinh ngày 26/8/2008 cho anh Khuru Văn T1 được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Anh Khuru Văn T1 và chị Khuru Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được cản trở.

- Chị Khuru Thị H phải tạo điều kiện cho anh Khuru Văn T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung và ngược lại. Khi cần thiết anh Khuru Văn T1 và chị Khuru Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Ghi nhận chị Khuru Thị H và anh Khuru Văn T1 không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Khuru Thị H và anh Khuru Văn T1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

* Về án phí sơ thẩm: Chị Khuru Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009054 ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang. Chị Khuru Thị H được nhận lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.T;
- VKSND H.T;
- UBND TT.S, H.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Minh Tâm